DTÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XM** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11/02/2020.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Đức Vinh.
2. Ông Nguyễn Hoàng Thân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 562/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019; quyết định hoãn phiên tòa số 147/2019/QĐST – HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1994 (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp 5B, xã ĐL, huyện TP, tỉnh ĐN.

Nơi ở: 03 PNL, tổ 7, thị trấn MĐG, huyện ĐH, tỉnh LĐ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1988 (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp 8, xã ĐL, huyện TP, tỉnh ĐN.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 17, phân trại 2, Trại giam XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2019 bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T xây dựng gia đình với ông Nguyễn Văn C vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL, huyện TP, tỉnh ĐN. Cuộc sống chung hạnh phúc không được bao lâu thì ông C ngược đãi, đánh đập bà T

thường xuyên với những lý do không chính đáng nhất là sau những lúc ông C đi nhậu về. Năm 2015 ông C phạm tội cố ý gây thương tích và bị Tòa án xử phạt 07 năm tù, những tưởng thời gian đi cải tạo tập trung ông C sẽ thay đổi tính nết, biết chăm lo cho hạnh phúc của gia đình và quan tâm đến vợ con. Thế nhưng, trong thời gian qua, đã hơn 4 năm cải tạo tập trung nhưng ông C vẫn chứng nào tật ấy; Mỗi lần bà T đến thăm nuôi thì ông C có lời lẽ hăm doạ, uy hiếp tinh thần bà T, buộc bà T phải chu cấp đầy đủ tiền, quà theo yêu cầu của ông C trong đó có những thứ không cần thiết. Trong khi đó bà T còn phải vất vả làm thuê kiếm tiền nuôi con nhỏ.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nênbà T yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: bà T và ông C có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/5/2015, hiện đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tạm thời bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông C không có tài sản chung và nợ chung.

Do bị đơn là ông Nguyễn Văn C đang chấp hành án tại Trại giam XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên ngày 21/10/2019 Tòa án nhân dân huyện XM tiến hành lấy lời khai và thực hiện thủ tục hòa giải tại Trại giam XM. Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 21/10/2019 bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông C xây dựng gia đình với bà T vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL, huyện TP, tỉnh ĐN, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thì ông C và bà T có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, về lối sống. Từ lúc ông C đi chấp hành án thì mâu thuẫn ngày càng lớn hơn, do vợ chồng ngày càng không hiểu nhau và bà T có nhiều thay đổi.

Nay theo yêu cầu ly hôn của bà T thì ông C không đồng ý ly hôn, do ông C còn thương yêu vợ con.

Về con chung: Ông C và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/5/2015 hiện đang sống với bà T. Trường hợp bà T nhất quyết ly hôn và được Tòa án giải quyết cho ly hôn thì về con chung ông C đồng ý để bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà T không có tài sản chung và nợ chung.

Sau khi ông C trình bày quan điểm Tòa án ghi nhận lời trình bày của ông C vào biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nhưng ông C không đồng ý ký tên vào biên bản, Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng ông C cũng từ chối nhận văn bản. Tuy nhiên, Tòa án đã thực hiện các trình tự tống đạt, lấy lời khai, hòa giải theo đúng quy định của pháp luật. Tại các phiên tòa ông C đều vắng mặt.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên

tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Nguyễn Văn C, đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Văn C đang chấp hành án tại địa bàn huyện XM theo điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ ba, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản hợp lệ. Do ông Nguyễn Văn C đang chấp hành án tại trại giam XM nên Tòa án đã làm các thủ tục để đưa ông C đến phiên tòa nhưng tại các phiên Tòa ông C đều vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông C xây dựng gia đình vào năm 2014 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2014, quyển số 01/2012, đăng ký ngày 17/11/2014 tại UBND xã ĐL, huyện TP, tỉnh ĐN), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi xây dựng gia đình bà T và ông C chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình về lối sống nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Ngày 16/01/2017 ông C bị Tòa án nhân dân tỉnh ĐN xử phạt 07 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo bản án số 16/HS-PT và hiện ông C đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T ly hôn với ông C. Ông C cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng, nhưng ông C không đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời trình bày của bà T và ông C về nguyên nhân mâu thuẫn là phù hợp do vợ chồng bất đồng quan điểm nên không có tiếng nói chung, thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông C đã kéo dài trong nhiều năm, khả năng hàn gắng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông C.

[3] Về con chung: bà T và ông C xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/5/2015 hiện đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Vì lý do ông C đang chấp hành án trong trại giam nên ông C cũng

đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Minh T cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt nhằm đảm bảo tốt nhất cho con. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị T đề nghị được nuôi con chung và ông C cũng có nguyện vọng giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thể hiện bà Nguyễn Thị T có điều kiện, khả năng và thời gian chăm sóc con chung tốt, con chung đang do bà T nuôi dưỡng khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện tại ông Nguyễn Văn C không đủ điều kiện nuôi con. Do đó áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Minh T cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông C xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Bà T và ông C có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/5/2015. Bà Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông C xác nhận không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩmbà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0001392 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã ĐL, huyện TP, tỉnh ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo